

Số: /2026/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định khu vực không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về Dự thảo Nghị quyết quy định khu vực không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Báo cáo thẩm tra số/BCTT-KTNS ngày tháng năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định khu vực không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định khu vực không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Quảng Trị được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 80 Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a khoản 17 Điều 3 Luật số 146/2025/QH15.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm và động vật khác trong chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; trừ nuôi động vật làm cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường;

b) Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 2. Quy định khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị bao gồm các khu vực được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Quy định vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

1. Vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Quảng Trị là vùng nằm ngoài khu vực được quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này.

2. Nhà yến xây dựng và hoạt động trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành không đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này thì phải giữ nguyên trạng, không được coi nới, không được sử dụng loa phóng thanh.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngàytháng....năm 2026. Nghị quyết số 160/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, quy định vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa IX Kỳ họp thứ ... thông qua ngày tháng năm 2026./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBND TQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Tổ đại biểu HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và phát thanh, truyền hình Quảng Trị;
- Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND

CHỦ TỊCH

Phụ lục
KHU VỰC KHÔNG ĐƯỢC PHÉP CHĂN NUÔI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)

TT	Khu vực không được phép chăn nuôi
1	Xã Nam Ba Đồn
1.1	Thôn Quảng Tiên: Khu dân cư, trụ sở cơ quan, công trình công cộng, trường học, chợ, trạm y tế, giáo xứ, nhà văn hoá (theo hiện trạng sử dụng đất).
1.2	Thôn Tiên Lễ: Khu dân cư, trụ sở cơ quan, công trình công cộng, trường học, chợ, trạm y tế, giáo xứ, nhà văn hoá (theo hiện trạng sử dụng đất).
1.3	Thôn Xuân Hoà: Khu dân cư, trụ sở cơ quan, công trình công cộng, trường học, chợ, trạm y tế, giáo xứ, nhà văn hoá (theo hiện trạng sử dụng đất).
1.4	Thôn Quảng Trung: Khu dân cư, trụ sở cơ quan, công trình công cộng, trường học, chợ, trạm y tế, giáo xứ, nhà văn hoá (theo hiện trạng sử dụng đất).
1.5	Thôn Quảng Tân: Khu dân cư, trụ sở cơ quan, công trình công cộng, trường học, chợ, trạm y tế, giáo xứ, nhà văn hoá (theo hiện trạng sử dụng đất).
1.6	Thôn Hạ Thôn: Khu dân cư, trụ sở cơ quan, công trình công cộng, trường học, chợ, trạm y tế, giáo xứ, nhà văn hoá (theo hiện trạng sử dụng đất).
1.7	Thôn Lâm Xuân: Khu dân cư, trụ sở cơ quan, công trình công cộng, trường học, chợ, trạm y tế, giáo xứ, nhà văn hoá (theo hiện trạng sử dụng đất).
1.8	Thôn Thọ Linh: Khu dân cư, trụ sở cơ quan, công trình công cộng, trường học, chợ, trạm y tế, giáo xứ, nhà văn hoá (theo hiện trạng sử dụng đất).
1.9	Thôn Diên Trường: Khu dân cư, trụ sở cơ quan, công trình công cộng, trường học, chợ, trạm y tế, giáo xứ, nhà văn hoá (theo hiện trạng sử dụng đất).
1.10	Thôn Thọ Hạ: Khu dân cư, trụ sở cơ quan, công trình công cộng, trường học, chợ, trạm y tế, giáo xứ, nhà văn hoá (theo hiện trạng sử dụng đất).

1.11	Thôn Biều Lê: Khu dân cư, trụ sở cơ quan, công trình công cộng, trường học, chợ, trạm y tế, giáo xứ, nhà văn hoá (theo hiện trạng sử dụng đất).
1.12	Thôn Tân Sơn: Khu dân cư, trụ sở cơ quan, công trình công cộng, trường học, chợ, trạm y tế, giáo xứ, nhà văn hoá (theo hiện trạng sử dụng đất).
2	Xã Kim Phú
2.1	Khu vực trung tâm hành chính xã, các trụ sở cơ quan, trường học, trạm y tế, nhà văn hoá, bán kính 300 mét.
3	Xã Minh Hoá
3.1	Tuyến đường Võ Nguyên Giáp: Từ Cây xăng (ngã tư đèn đỏ) đến nhà văn hoá xã (ngã tư đèn đỏ), chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào sâu 100 mét mỗi bên.
3.2	Tuyến đường Lý Thường Kiệt: Từ Ngã tư đèn đỏ (Điện máy xanh) đến Nhà văn hoá Tổ dân phố 8, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào sâu 100 mét mỗi bên.
3.3	Tuyến đường Trần Phú: Từ Lâm trường Minh Hoá đến Trạm cấp nước, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào sâu 100 mét mỗi bên.
3.4	Tuyến đường Võ Văn Kiệt: Từ Trạm cấp nước đến tư giao nhau giữa đường Lê Hồng Phong với đường Võ Nguyên Giáp, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào sâu 100 mét mỗi bên.
4	Xã Tuyên Lâm
4.1	Khu vực Trung tâm hành chính xã, các trụ sở cơ quan, trường học, trạm y tế, nhà văn hoá, bán kính 200 mét.
5	Xã Tuyên Sơn
5.1	Khu dân cư thôn 1 Thanh Thạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500.
5.2	Khu dân cư thôn 2 Thanh Thạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500.

5.3	Khu dân cư thôn Tân Đức được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500.
5.4	Khu dân cư thôn Tân Ấp được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500.
5.5	Khu dân cư thôn Tân Hương được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500.
6	Xã Đồng Lê
6.1	Thôn Đồng Tiến: Khu dân cư (theo hiện trạng sử dụng đất); tuyến đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Ngã tư Cầu vượt đến hết khu tái định cư (công thoát nước Quốc Lộ 12C), chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 20 mét mỗi bên.
6.2	Tuyến đường Hùng Vương: Đoạn từ Ngã tư Cầu Vượt đến đường Nguyễn Viết Xuân, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 20 mét mỗi bên.
6.3	Tuyến đường Quang Trung: Đoạn từ ngã ba công Đảng uỷ xã đến đường Nguyễn Viết Xuân, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 20 mét mỗi bên.
6.4	Tuyến đường Lý Thường Kiệt đoạn ngã tư Cầu Vượt đến Cửa hàng Xăng Dầu Phương Bắc, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 20 mét mỗi bên.
6.5	Tuyến đường Võ Nguyễn Giáp từ cây Xoài – Trường Tiểu học, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 20 mét mỗi bên.
6.6	Tuyến đường Huỳnh Thúc Kháng: Đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Quang Trung, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 20 mét mỗi bên.
6.7	Tuyến đường Lê Trực: Đoạn đường từ đường Lê Lợi đến đường Quang Trung, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 20 mét mỗi bên.
6.8	Tuyến đường Phạm Văn Đồng: Đoạn từ đường Hùng Vương đến khu vực Bệnh viện, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 20 mét mỗi bên.
6.9	Tuyến đường Hàm Nghi: Đoạn từ trụ sở Công đoàn huyện (cũ) đến cầu Khe Trề (cũ), chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 20 mét mỗi bên.
6.10	Tuyến đường Nguyễn Văn Tấn: Đoạn từ Quốc Lộ 12A đến ga Đồng Lê, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 20 mét mỗi bên.

6.11	Tuyến đường Lý Thái Tổ: Đoạn từ ngã 5 đèn xanh đỏ đến giáp xã Lê Hóa (cũ), chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 20 mét mỗi bên.
6.12	Tuyến đường Trường Chinh, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 20 mét mỗi bên.
6.13	Tuyến đường Bà Triệu: Đoạn từ đường Lê Trực đến đường Hùng Vương, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 20 mét mỗi bên.
6.14	Tuyến đường Hoàng Sâm: Đoạn từ đường Lý Thường Kiệt giáp Tòa Án cũ đến cầu Kị, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 20 mét mỗi bên.
6.15	Tuyến đường mẹ Suốt giáp đường Lý Thường Kiệt: Đoạn từ nhà ông Cường đến nhà ông Dương, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 20 mét mỗi bên.
6.16	Khu vực các lô đất ở mới tại Dự án Phát triển quỹ đất thuộc thôn Đồng Văn đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500.
7	Xã Tuyên Phú
7.1	Tuyến đường Quốc Lộ 12C: Đoạn từ Trụ sở UBND xã Đức Hoá cũ đến góc chẵn Ngọc Lâm, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 100 mét mỗi bên.
8	Xã Tuyên Hoá
8.1	Thôn Tiên Phong: Khu dân cư phía Bắc đường 12A đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết.
8.2	Thôn Tiên Hoá: Dự án phát triển quỹ đất đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết.
9	Xã Hoà Trạch
9.1	Khu dân cư gần trụ sở Công an xã của thôn Cảnh Dương, bán kính 500 mét.
9.2	Khu vực Nhà văn hoá thôn Quảng Tùng, bán kính 500 mét.

9.3	Khu vực Trụ sở UBND xã, BCH Quân sự xã, các Trường học, Trạm y tế trên địa bàn thôn Phúc Kiều, bán kính 1km.
9.4	Khu vực Trụ sở Đảng uỷ, UBMTTQVN xã trên địa bàn thôn Trung Minh, bán kính 1km.
10	Xã Phú Trạch
10.1	Khu dân cư gần nhà thờ họ giáo Xuân Hải và giáo xứ Trường Hải, Chợ Quảng Phú, bán kính 500 mét.
10.2	Khu dân cư gần Khu mộ Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Đền thánh mẫu Liễu Hạnh, bán kính 1km.
11	Xã Phong Nha
11.1	Tuyến đường tỉnh lộ 562: Đoạn từ Ngã ba đường Hồ Chí Minh lên Động Phong Nha, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 100 mét mỗi bên.
11.2	Tuyến đường 32 mét: Từ ngã ba trung tâm du lịch đến ngã ba nối đường Nguyễn Quyết Thắng, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 100 mét mỗi bên.
11.3	Tuyến đường Quốc Lộ 15 đến bến đò thôn Gia Tịnh, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 100 mét mỗi bên.
11.4	Tuyến đường Hồ Chí Minh: Đoạn từ giáp địa giới hành chính thôn Cổ Giang (xã Bố Trạch) đến cầu Vĩnh Sơn, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào là 100m mỗi bên; đoạn từ Trạm Kiểm lâm Tróoc đến Trạm y tế thôn Phúc Đồng, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào là 300 mét mỗi bên.
11.5	Các khu vực: Điểm du lịch, chợ, trụ sở cơ quan, nhà thờ, nhà văn hoá, trường học, trạm y tế, homstay, sân vận động, bán kính 100 mét.
12	Xã Bắc Trạch
12.1	Khu dân cư thôn Xuân Hải được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết.
12.2	Khu vực quy hoạch du lịch: Từ bãi tắm Đá Nhảy đến nhà máy chế biến thủy sản và thức ăn gia súc thuộc Công ty TNHH Dịch vụ và sản xuất Tam Phát thuộc thôn Tiền Phong.

13	Xã Đông Trạch
13.1	Khu dân cư thôn phía Đông đường Quốc lộ 1A thôn Tân Lý được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết.
13.2	Khu dân cư thôn Nội Hải được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết.
13.3	Khu dân cư thôn Nội Hòa được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết.
13.4	Khu dân cư thôn Hải Trạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết.
13.5	Khu dân cư thôn Thượng Hòa được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết.
13.6	Khu dân cư phía Đông thôn Quốc Lộ 1A được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết.
13.7	Khu dân cư thôn Hồng Đức được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết.
13.8	Khu dân cư thôn Quy Đức được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết.
13.9	Khu dân cư thôn Tân Đức được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết.
13.10	Khu dân cư thôn Nam Đức được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết.
13.11	Khu dân cư thôn phía Đông Quốc lộ 1A thôn Bắc Đồng được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết.
13.12	Khu dân cư thôn Trung Đồng được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết.
13.13	Khu dân cư phía Đông thôn Nam Đồng được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết.
13.14	Thôn Thuận Phú: Tuyến đường liên xã, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 100m; đoạn đường Quốc lộ 1A, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 500 mét mỗi bên.

14	Xã Nam Trạch
14.1	Thôn Nhân Bắc.
14.2	Thôn Nhân Nam.
14.3	Thôn Nhân Quang.
14.4	Thôn Nhân Trạch
15	Xã Quảng Ninh
15.1	Khu đô thị tại vùng Ruộng Nhất (thôn Quán Hàu) được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500.
15.2	Khu đô thị tại vùng Đá Lả (thôn Nam Quán Hàu) được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500.
15.3	Khu dân cư Đồng Hang (thôn Quán Hàu) được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500.
15.4	Khu dân cư tại vùng ngô mụ Rưỡng (thôn Văn La) được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500.
15.5	Các Khu dân cư thôn Võ Ninh: OM44; OM46; OM411 được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500.
15.6	Khu dân cư gần trụ sở Đảng ủy xã, UBND xã, UBMTTQVN xã, cách trụ sở bán kính 1km.
15.7	Khu dân cư gần trụ sở Công an xã, phòng Cảnh sát Giao thông tỉnh Quảng Trị, Ban QLDA đầu tư XD và PTQĐ Quảng Ninh, Trạm y tế xã, cách trụ sở bán kính 500 mét.
15.8	Tuyến đường Quốc Lộ: Đoạn đường Hùng Vương từ cổng chào Lương Yên đến Bắc cầu Quán Hàu, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 100 mét mỗi bên.

15.9	Tuyến đường Quốc Lộ 9B: Đoạn từ vòng xuyên cầu Quán Hàu đến giáp đường mòn Hồ Chí Minh, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 50 mét mỗi bên.
15.10	Tuyến đường Trần Hưng Đạo, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 500 mét mỗi bên.
15.11	Tuyến đường Quốc Lộ: Đoạn từ Nam cầu Quán Hàu đến xã Ninh Châu, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 50 mét mỗi bên.
16	Xã Ninh Châu
16.1	Thôn Hải Ninh: Khu đất ở, đất dịch vụ đã được quy hoạch chi tiết 1/500.
16.2	Thôn Cửa Thôn: Khu đất ở, đất dịch vụ và các khu thương mại dịch vụ đã được quy hoạch chi tiết 1/500.
16.3	Thôn Tân Định: Khu đất ở, đất dịch vụ đã được quy hoạch chi tiết 1/500.
16.4	Thôn Dinh Mười: Khu vực phía Đông Nam đô thị Dinh Mười; Khu dân cư Dinh Mười II; nhà ở thương mại Dinh Mười III đã được quy hoạch chi tiết 1/500.
16.5	Thôn Tân Định: Khu tái định cư đã được quy hoạch chi tiết 1/500.
16.6	Thôn Hiền Lộc: Khu tái định cư và khu dân cư vùng Nam Rào Bạc, Khu tái định cư và khu dân cư Tây Rào Bạc đã được quy hoạch chi tiết 1/500.
16.7	Thôn Hiền Vinh: Khu tái định cư Hiền Lộc - Hiền Vinh đã được quy hoạch chi tiết 1/500.
16.8	Thôn Duy Ninh: Khu tái định cư Phú Vinh đã được quy hoạch chi tiết 1/500.
16.9	Thôn Nguyệt Áng: Khu tái định cư Nguyệt Áng đã được quy hoạch chi tiết 1/500.
16.10	Thôn Hoà Bình: Khu tái định cư Hoà Bình đã được quy hoạch chi tiết 1/500.

16.11	Thôn Quảng Xá: Khu tái định cư Quảng Xá đã được quy hoạch chi tiết 1/500.
17	Xã Lê Thuỷ
17.1	Thôn Thượng Giang: Khu nhà ở thương mại đã được quy hoạch chi tiết 1/500.
17.2	Thôn Quy Hậu: Khu nhà ở thương mại đã được quy hoạch chi tiết 1/500.
17.3	Thôn Xuân Giang: Khu nhà ở thương mại đã được quy hoạch chi tiết 1/500.
17.4	Thôn Xuân Hạ: Khu nhà ở thương mại đã được quy hoạch chi tiết 1/500.
18	Xã Lê Ninh
18.1	Thôn 2: Khu nhà ở thương mại thị trấn Nông trường Lê Ninh; Các lô OM2, OM3, OM4 của dự án Khu xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu đất ở mới thị trấn Nông trường Lê Ninh (giai đoạn 1) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500.
19	Xã Kim Ngân
19.1	Tuyến đường Quốc Lộ 9C: Từ đường Ngã tư Thạch Bàn đến OSEN Bang, 15 km.
20	Xã Vĩnh Linh
20.1	Vùng giếng Mọi Roi, thôn Hồ Xá Nam.
20.2	Tuyến đường Trần Phú (toàn tuyến), chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 20 mét mỗi bên.
20.3	Tuyến đường Hùng Vương (toàn tuyến), chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 30 mét mỗi bên.

20.4	Tuyến đường Trần Hưng Đạo (toàn tuyến), chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 30 mét mỗi bên.
20.5	Tuyến đường Lê Duẩn (Quốc lộ 1A Km723+730) thôn Thượng Lập đến ngã 3 rẽ vào trụ sở Đảng Ủy (Quốc lộ 1A Km 726+100) thôn Hồ Xá Trung, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 40 mét mỗi bên.
21	Xã Cửa Tùng
21.1	Thôn An Đức.
21.2	Thôn An Hoà.
22	Xã Vĩnh Hoàng
22.1	Trung tâm hành chính xã (quy hoạch chung của xã), bán kính 500 mét.
22.2	Khu vực Bàu Thuỷ Ứ (quy hoạch chung của xã), bán kính 100 mét.
22.3	Khu vực du lịch biển Thái Lai (quy hoạch chung của xã), cách bờ biển 300m thuộc thôn Thái Lai.
22.4	Khu vực dọc Quốc Lộ 1A đoạn từ Km 721+900 đến KM724+500 (chiều dài 2,6km).
23	Xã Bến Quan
23.1	Tuyến đường Quốc lộ 9D (thuộc thôn Bến Tiên): Từ cầu Khe Cáy đến nút giao đường Hồ Chí Minh, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 300 mét mỗi bên.
23.2	Tuyến đường Hồ Chí Minh (thuộc Thôn Bến Tiên): Từ nút giao đường Hồ Chí Minh đến nhà hàng Bến Quan, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 300 mét mỗi bên.
23.3	Tuyến đường Hồ Chí Minh (thuộc Thôn Bến Tiên): Từ nhà hàng Bến Quan đến cầu Khe Cát, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 300 mét mỗi bên.

23.4	Tuyến đường Kim Thạch Hiên Hòa: Từ ngã 3 nhà ông Dược (thôn Bến Tiên) đến Tượng đài (thôn Đoàn Kết), chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 400 mét mỗi bên.
23.5	Tuyến đường ĐT751 Thôn Đoàn Kết: Từ nút giao thông đường Hồ Chí Minh đến trường TH Quyết Thắng, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 300 mét mỗi bên.
23.6	Tuyến đường Kim Thạch Hiên Hòa thôn Đoàn Kết: Từ Trường Tiểu học Quyết Thắng đến ngã 3 nhà ông Dược, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 300 mét mỗi bên.
23.7	Tuyến đường Kim Thạch Hiên Hòa thôn Đoàn Kết (khu vực thôn 4 cũ), chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 300 mét mỗi bên.
23.8	Khu vực hai bên tuyến đường Hồ Chí Minh: Từ nút giao thông đường Hồ Chí Minh đến nhà ông Vị (thôn Quyết Thắng), chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 300 mét mỗi bên.
24	Xã Cửa Việt
24.1	Thôn Long Hà An (Khu vực phía Nam đường Xuyên Á).
24.2	Khu dân cư thôn Tân Lộc được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết.
24.3	Khu dân cư thôn Gio Việt được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết.
24.4	Thôn Xuân Hoàng: Khu vực phía nam đường Xuyên Á.
25	Xã Gio Linh
25.1	Tuyến đường Lê Duẩn: Từ Km742+750 đến Km 745+250, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 30 mét mỗi bên.
25.2	Tuyến đường 2/4: Từ Km0+00 (ngã ba Quán Phụng) đến Km2+150 (ranh giới giữa thôn Lại Phước với thôn Bắc Hà Thượng), chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 30 mét mỗi bên.
25.3	Tuyến đường Bùi Trung Lập: Từ Đình làng Hà Thượng đến điểm giao với đường Trần Đình Ân, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 30 mét mỗi bên.

25.4	Tuyến đường Võ Nguyên Giáp: Từ Đình làng Hà Thượng đến điểm giao với đường Trần Đình Ân, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 30 mét mỗi bên.
25.5	Thôn Lan Đình: Khóm 5, từ nhà Văn Liệu đến đường bê tông giáp địa giới thôn Hà Thường.
25.6	Thôn Nam Hà Thượng: Khóm 1, từ Hội người mù - Hoa Cường - nhà bà Lê - nhà ông Hải đến Quán điện thoại Đức Pháp; Khóm 2, từ nhà bà Kim Tàn - nhà bà Chung - nhà ông Đán - quán Hiền Trung - dọc đường Nam Chợ Cầu.
25.7	Điểm phát triển dân cư phía thôn Bắc Hà Thượng: Từ đường Nguyễn Văn Linh đến hết khu dân cư phía Nam từ đường Nguyễn Văn Linh đi vào.
25.8	Điểm phát triển dân cư phía Bắc, thôn Bắc Hà Thượng.
25.9	Thôn Hà Trung: Khóm 3, từ nhà ông Thái - nhà bà Lan - nhà bà Xanh - nhà cô Ёn.
25.10	Thôn Nam Hà Thượng: Khóm 1, Khóm 2.
25.11	Khu vực đất đầu giá và tái định cư Thôn Lại Phước.
26	Xã Cam Lộ
26.1	Thôn Cam Hưng: Đường Quốc lộ 9 đoạn từ Chùa 8 mái đến ngã 3 đường Phan Bội Châu; từ ngã tư Phan Bội Châu đến ngã 3 đường Hàm Nghi kéo dài đến ngã tư đường Trần Hưng Đạo về phía Nam qua Quốc lộ 9 dọc theo đường Hai Bà Trưng đến giáp đường Lý Thái Tổ và kéo dài đến giáp hàng rào BCH Quân sự xã.
26.2	Thôn Cam Thuận.
26.3	Thôn Cam Thái: Dọc Hàng rào phía Đông Bệnh viện Đa khoa khu vực Cam Lộ đến khe Xương Rồng; dọc theo khe Xương rồng đến ngã ba khe Xương Rồng đến cầu Nghĩa Hi; từ ngã 3 đường 02/4 đến đường Huỳnh Thúc Kháng đến ngã tư đường Huỳnh Thúc Kháng và Hàm Nghi, chạy dọc theo đường Hàm Nghi về phía Đông giao với đường Trần Phú kéo dài đến khe nước giáp nhà ông Hoàng Lữ Thăng đi dọc theo khe nước đến giáp đường Lê Hồng Phong đến giáp ranh giới giữa nghĩa địa và khu dân cư đi về phía đường giáp với xã Hiếu Giang.

27	Xã Hướng Hiệp
27.1	Tuyến đường Lê Duẩn (từ Km 40+300 đến Km 42+300), chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 50 mét mỗi bên.
27.2	Tuyến đường Hùng Vương từ Km0 đến Km 0+650, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 50 mét mỗi bên.
27.3	Tuyến đường Nguyễn Tất Thành, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 50 mét mỗi bên.
27.4	Tuyến đường Trần Hưng Đạo (thuộc địa giới thôn 2); chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 50 mét mỗi bên.
27.5	Tuyến đường Lê Lợi (thuộc địa giới thôn 2), chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 50 mét mỗi bên.
27.6	Tuyến đường Trần Hoàn, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 50 mét mỗi bên.
27.7	Tuyến đường Nguyễn Du, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 50 mét mỗi bên.
27.8	Các tuyến đường Nguyễn Chí Thanh, Ngô Quyền, Nguyễn Huệ, Bùi Dục Tài, Trần Phú, Kim Đồng, Hai Bà Trưng, Phan Bội Châu, Huyền Trân Công Chúa; chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 50 mét mỗi bên.
28	Xã Khe Sanh
28.1	Tuyến đường Quốc Lộ 9 chạy qua thôn Lương Lễ, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 40 mét mỗi bên.
28.2	Tuyến đường Lê Duẩn, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 30 mét mỗi bên.
28.3	Tuyến đường Hùng Vương: Từ Nhà thi đấu đến giáp hồ Tân Độ, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 30 mét mỗi bên.
28.4	Tuyến đường Nguyễn Trãi: Từ Lê Duẩn đến giáp Lê Lợi, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 20 mét mỗi bên.

28.5	Tuyến đường Lê Lợi: từ Lê Duẩn đến giáp Lê Duẩn, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 20 mét mỗi bên.
28.6	Tuyến đường 9/7: từ Lê Duẩn đến giáp Hùng Vương, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 20 mét mỗi bên.
28.7	Tuyến đường Hàm Nghi, từ Lê Duẩn đến giáp Lê Lợi, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 20 mét mỗi bên.
28.8	Tuyến đường Phạm Hùng, từ Hùng Vương đến giáp Hàm Nghi, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ 20 mét mỗi bên.
28.9	Tuyến đường Chế Lan Viên, từ 9/7 đến Lê Lợi, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 20 mét mỗi bên.
28.10	Tuyến đường Nguyễn Hữu Thận, từ 9/7 đến Lê Lợi, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 20 mét mỗi bên.
28.11	Tuyến đường Đinh Công Tráng, từ 9/7 đến Lê Lợi, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 20 mét mỗi bên.
28.12	Tuyến đường Võ Thị Sáu, từ 9/7 đến Lê Lợi, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 20 mét mỗi bên.
28.13	Tuyến đường Phan Đình Phùng, từ Lê Duẩn đến Hồ Chí Minh, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 20 mét mỗi bên.
28.14	Tuyến đường Phan Chu Trinh, từ Hùng Vương đến Đinh Tiên Hoàng, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 20 mét mỗi bên.
28.15	Tuyến đường Lê Thánh Tông, từ Lê Lợi đến giáp đường khối, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 20 mét mỗi bên.
28.16	Tuyến đường Văn Cao, từ Lê Lợi đến giáp đường khối, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 20 mét mỗi bên.
28.17	Tuyến đường Phạm Ngũ Lão, từ Lê Lợi đến giáp đường khối, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 20 mét mỗi bên.
28.18	Tuyến đường Hai Bà Trưng, từ Lê Duẩn đến Ngô Sỹ Liên, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 20 mét mỗi bên.
28.19	Tuyến đường Ngô Sỹ Liên, từ Lê Duẩn đến Hai Bà Trưng, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 20 mét mỗi bên.

28.20	Tuyến đường Bùi Thị Xuân, từ Ngõ Sỹ Liên đến Hồ Sỹ Thản, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 20 mét mỗi bên.
28.21	Tuyến đường Hà Huy Tập, từ Lê Duẩn đến hết km0+500, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 20 mét mỗi bên.
28.22	Tuyến đường Đào Duy Từ, từ Lê Duẩn đến Phan Chu Trinh, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 20 mét mỗi bên.
28.23	Tuyến đường Đinh Tiên Hoàng, từ Lê Duẩn đến cầu Pa Nho, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 20 mét mỗi bên.
28.24	Tuyến đường Nguyễn Hữu Thọ, từ Bùi Dục Tài đến Lê Lợi, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 20 mét mỗi bên.
29	Xã Lao Bảo
29.1	Thôn Triệu Thành: Tuyến đường Quốc lộ 9 từ cầu Mỹ Yên đến đường vào Chùa Sơn Thành, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 40 mét mỗi bên.
29.2	Thôn Tân Phước.
29.3	Thôn Tây Chín.
29.4	Thôn Trung Chín: Các tuyến đường dọc Quốc Lộ 9, Phạm Văn Đồng, Tôn Đức Thắng, Cù Bai, Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Gia Thiều, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 40 mét mỗi bên.
29.5	Thôn Vĩnh Đông: Các tuyến đường Quốc Lộ 9, Hoàng Diệu, Ngô Gia Tự, Cao Thắng, Kim Đồng, Đặng Văn Ngữ, Nguyễn Hữu Đồng, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 40 mét mỗi bên.
29.6	Thôn Tân Kim: Các tuyến đường: Lê Thế Tiết, Phan Đăng Lưu, Lê Văn Huân, Thạch Hãn, Tổ Hữu giáp đường Thạch Hãn đến nghĩa trang Tân Kim, kiệt Hoàng Hoa Thám giáp đường Phan Đăng Lưu đến Trại chăn nuôi Ông Tuấn, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 40 mét mỗi bên.
29.7	Thôn Triệu Phước: Các tuyến đường đường Lê Thế Tiết, Nguyễn Bình Khiêm, Hồ Bá Kiện, Đoàn Bá Thừa, Phùng Hưng, Lê Văn Huân, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 40 mét mỗi bên.
29.8	Thôn Tân Thành: Quốc Lộ 9 tính từ đường vào Chùa Sơn Thành đến cầu A Chùm, tuyến đường nam Quốc Lộ 9 từ nhà bà Nguyễn Thị Kim Vân đến nhà ông Nguyễn Hoàng, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 40 mét mỗi bên.

30	Xã Triệu Phong
30.1	Tuyến đường Lê Duẩn, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 25 mét mỗi bên.
30.2	Tuyến đường Trường Chinh, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 30 mét mỗi bên.
30.3	Tuyến đường Lê Hồng Phong, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 25 mét mỗi bên.
30.4	Tuyến đường Nguyễn Văn Linh, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 25 mét mỗi bên.
30.5	Tuyến đường Trần Phú, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 28,7 mét mỗi bên.
30.6	Tuyến đường Tố Hữu, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 28,7 mét mỗi bên.
30.7	Tuyến đường Nguyễn Tri Phương, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 25 mét mỗi bên.
30.8	Tuyến đường Văn Cao, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 25 mét mỗi bên.
30.9	Tuyến đường Trương Văn Hoàn, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 25 mét mỗi bên.
30.10	Tuyến đường Phan Chu Trinh, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 25 mét mỗi bên.
30.11	Tuyến đường Nguyễn Chí Thanh, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 22,9 mét mỗi bên.
30.12	Tuyến đường Đoàn Khuê, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 23,5 mét mỗi bên.
30.13	Tuyến đường Đặng Thĩ, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 25 mét mỗi bên.
30.14	Tuyến đường Tôn Thất Thuyết, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 30 mét mỗi bên.

30.15	Tuyến đường Phan Bội Châu, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 25 mét mỗi bên.
30.16	Tuyến đường Trương Định, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 25 mét mỗi bên.
30.17	Tuyến đường Lê Quý Đôn, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 20 mét mỗi bên.
30.18	Tuyến đường Hoàng Diệu, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 25 mét mỗi bên.
30.19	Tuyến đường Trần Hữu Dực, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 25 mét mỗi bên.
30.20	Tuyến đường Hai Bà Trưng, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 25 mét mỗi bên.
30.21	Tuyến đường Đinh Tiên Hoàng, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 25 mét mỗi bên.
30.22	Tuyến đường Nguyễn Du, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 25 mét mỗi bên.
30.23	Tuyến đường Trần Hưng Đạo, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 25 mét mỗi bên.
30.24	Tuyến đường Nguyễn Huệ, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 25 mét mỗi bên.
30.25	Tuyến đường Lê Lợi, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 25 mét mỗi bên.
30.26	Tuyến đường tránh Thành Cổ, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 25 mét mỗi bên.
30.27	Tuyến đường Huyền Trân Công Chúa, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 25 mét mỗi bên.
30.28	Tuyến đường Nguyễn Phúc Nguyên, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 25 mét mỗi bên.
30.29	Tuyến đường Lê Hữu Trữ, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 25 mét mỗi bên.

30.30	Tuyến đường Nguyễn Thị Lý, chiều sâu tính từ lộ giới đường vào 25 mét mỗi bên.
30.31	Tuyến đường Nguyễn Hoàng, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 25 mét mỗi bên.
30.32	Tuyến đường Đoàn Lân, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 25 mét mỗi bên.
30.33	Tuyến đường Đoàn Bá Thừa, chiều sâu tính từ lộ giới đường vào 25 mét mỗi bên.
30.34	Tuyến đường Đặng Dân, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 25 mét mỗi bên.
30.35	Tuyến đường Nguyễn Hữu Khiếu, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào sâu 25 mét mỗi bên.
30.36	Tuyến đường Văn Kiếm, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 25 mét mỗi bên.
30.37	Tuyến đường Phan Văn Dật, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 25 mét mỗi bên.
30.38	Tuyến đường Võ Thị Sáu, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 25 mét mỗi bên.
30.39	Tuyến đường Nguyễn Hữu Thận, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 25 mét mỗi bên.
30.40	Tuyến đường Hồng Chương, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 25 mét mỗi bên.
30.41	Tuyến đường Nguyễn Hữu Thận nối đường Nguyễn Hoàng chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 25 mét mỗi bên.
31	Xã Nam Cửa Việt
31.1	Khu dân cư khu vực Bồ Bản (thuộc thôn Nam Phước) từ nhà ông Nguyễn Hoài An đến ngã ba bến xe Bồ Bản và từ cầu Bồ Bản đến nhà ông Lương Dụng; chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 30 mét mỗi bên.
31.2	Khu dân cư khu vực Bồ Bản (thuộc thôn Thành Công) hai bên tuyến đường Quốc Lộ 49C từ hộ bà Nguyễn Thị Thao đến cầu Lệ Xuyên 1; chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 35 mét mỗi bên.

32	Xã Diên Sanh
32.1	Đoạn ngã tư giao đường Hùng Vương và đường Bùi Dục Tài đến đường 3/2, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào đến đường Hồ Quý Ly.
32.2	Đoạn đường Bùi Dục Tài đến Đoàn Thị Điểm, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 30 mét mỗi bên.
32.3	Đoạn đường Hùng Vương từ Chợ Chiều đến Hồ Đập Thanh, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 30 mét mỗi bên.
32.4	Các tuyến đường: Đặng Thí, Bà Triệu, Tôn Đức Thắng, Hàn Thuyên, Đặng Thai Mai, Nguyễn Hữu Mai, Hà Huy Tập đến Trương Công Kính, chiều sâu tính chỉ giới đường đỏ vào 20 mét mỗi bên; Hẻm 35 đường 3/2
32.5	Các trục đường xóm Nguyễn Huệ, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 20 mét mỗi bên.
32.6	Đường Trương Công Kính phía Tây, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 30 mét mỗi bên.
32.7	Đoạn đường 3/2 từ Hồ Khe chè đến Lê Lợi, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 30 mét mỗi bên.
32.8	Đoạn đường Nguyễn Hoàng đến Huyện Trần Công Chúa, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 30 mét mỗi bên.
32.9	Các tuyến đường Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu, Nguyễn Thị Lý, Lương Đình Của, Hai Bà Trưng, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào sâu 30m; Hẻm 17 Nguyễn Thị Lý.
32.10	Đoạn từ Quốc lộ 1A (đoạn ngã 3 giữa Quốc lộ 1A và đường Hùng Vương) đến Nghĩa trang liệt sỹ Hải Lăng, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ đến đường Ngô Quyền.
33	Xã Nam Hải Lăng
33.1	Tuyến đường Quốc lộ 1A: Từ cầu Mỹ Chánh đến cầu vượt đường sắt, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 22 mét mỗi bên.
33.2	Tuyến Quốc lộ 49B: Từ ngã 3 Mỹ Chánh đến cầu Phước Tích, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 22 mét mỗi bên.

33.3	Tuyến đường tỉnh lộ ĐT 584 : Từ ngã 3 giao nhau với đường Quốc lộ 1A dài 500m, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 50 mét mỗi bên.
34	Phường Đồng Hới
34.1	Các tổ dân phố: Hải Đình, Đồng Mỹ, Đồng Hải, Hải Thành, Đồng Thành, Phú Thượng, Phú Hải, Nam Lý 1, Nam Lý 2, Nam Lý 3, Nam Lý 4, Nam Lý 5, Bảo Ninh 1, Bảo Ninh 2, Bảo Ninh 3, Diêm Bình, Đức Ninh Đông, Đồng Phú 1, Đồng Phú 2, Đồng Phú 3, Đồng Phú 4.
34.2	Tổ dân phố Đức Ninh: Tuyến đường Lê Lợi, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào sâu 100 mét mỗi bên.
35	Phường Đồng Thuận
35.1	Các khu đất quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được cấp thẩm quyền phê duyệt đối với đất ở; đất cụm công nghiệp; đất phát triển hạ tầng; đất thương mại dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất quốc phòng; đất an ninh trên địa bàn toàn phường.
35.2	Khu dân cư (xác định theo bản đồ hiện trạng sử dụng đất) các tổ dân phố: 3 Bắc Lý, 9 Bắc Lý, Đông Lộc Đại, Quang Phú.
35.3	Khu dân cư các tuyến đường F325, Phan Đình Phùng, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 100 mét mỗi bên.
36	Phường Đồng Sơn
36.1	Các tuyến đường: Lý Thái Tổ, Lê Hồng Phong, Phạm Ngũ Lão, Phan Đăng Lưu, Nguyễn Duy Thiệu, Hoàng Quốc Việt, Hà Huy Tập (đoạn qua TDP Quảng Bình), Nguyễn Lương Bằng (đoạn qua TDP Cộn), Hồ Chí Minh (đoạn qua các TDP Quảng Bình, Đồng Lực và Đồng Sơn), chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 100 mét mỗi bên.
36.2	Vùng thượng nguồn hồ chứa nước Phú Vinh (diện tích 930,15 ha rừng phòng hộ thuộc các tổ dân phố Đồng Sơn, Thuận Đức và Thuận Phước).
37	Phường Ba Đồn
37.1	Tổ dân phố Long Thành.

37.2	Tổ dân phố Long Hảo.
37.3	Tổ dân phố Long Hoà.
37.4	Tổ dân phố Phan Long.
38	Phường Bắc Gianh
38.1	Tổ dân phố Mỹ Hoà: Khu dân cư Nam Mỹ Hoà (xác định theo hiện trạng sử dụng đất).
38.2	Tổ dân phố Thổ Ngọa: Khu dân cư OM3, OM4 (xác định theo hiện trạng sử dụng đất).
38.5	Tuyến Quốc lộ 12 A: Từ cầu Bánh Tét đến ngã tư Quốc lộ 1, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 100 mét mỗi bên.
38.6	Tuyến Võ Nguyên Giáp: Từ Quốc lộ 1 đến khu vực Quảng trường biển, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào sâu 50 mét mỗi bên.
39	Phường Đông Hà
39.1	Các tổ dân phố: Thống Nhất, Đoàn Kết, Bình An, Nam Hào, Hữu Nghị, Đông Trì, Đông Hà, Khe Mây, An Lạc, Đông Giang 1.
39.2	Tổ dân phố Tây Trì: Tổ 10, cụm Hữu Nghị, cụm Bùi Dục Tài.
39.3	Tổ dân phố Đường 9: Đường Chi Lăng đến nghĩa trang nhân dân phường Đông Hà, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 100 mét mỗi bên.
39.4	Khu đô thị Bắc sông Hiếu.
39.5	Tổ dân phố Nghĩa An: Đoạn đường Quốc lộ 1A, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 100 mét mỗi bên.
39.6	Đường Hoàng Diệu: Từ cầu Đông Hà đến giáp xã Hiếu Giang, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 100 mét mỗi bên.

39.7	Đường Phạm Ngũ Lão: Đoạn từ Quốc lộ 1A đến Hoàng Diệu, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào 100 mét mỗi bên.
40	Phường Nam Đông Hà
40.1	Toàn địa bàn phường trừ các khu vực sau: Khu vực phía Đông Kênh N2 đến Sông Hiếu, sông Thạch Hãn và sông Vĩnh Phước; khu vực phía Nam đường Tân Sở (đoạn từ đường Hùng Vương đến Quốc Lộ 1A) đến sông Vĩnh Phước; khu vực phía Tây đường Thoại Ngọc Hầu (đoạn từ đường nhựa 14,5m đến đường Đặng Thi) đến sông Vĩnh Phước; phía Nam đường Đặng Thi (đoạn từ đường Thoại Ngọc Hầu đến đường Trần Bình Trọng) đến sông Vĩnh Phước.
41	Phường Quảng Trị
41.1	Tuyến đường Hai Bà Trưng: Từ điểm đầu giao đường Lê Duẩn đến điểm cuối giao đường Phan Đình Phùng, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào sâu 40 mét mỗi bên.
41.2	Tuyến đường Trần Hưng Đạo: Từ điểm đầu giao đường Lê Duẩn đến điểm cuối tiếp giáp địa giới xã Triệu Phong, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào sâu 40 mét mỗi bên.
41.3	Tuyến đường Quang Trung: Từ điểm đầu giao đường Trần Hưng Đạo đến điểm cuối giao đường Hai Bà Trưng, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào sâu 40 mét mỗi bên.
41.4	Tuyến đường Nguyễn Trãi: Từ điểm đầu giao đường Hai Bà Trưng đến điểm cuối giáp kênh Nam Thạch Hãn, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào sâu 40 mét mỗi bên.
41.5	Tuyến đường Lê Hồng Phong: Từ điểm đầu giao đường Trần Hưng Đạo đến điểm cuối giao đường Hai Bà Trưng, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào sâu 40 mét mỗi bên.
41.6	Tuyến đường Lý Thường Kiệt: Từ điểm đầu giao đường Trần Hưng Đạo đến điểm cuối giao đường Hai Bà Trưng, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào sâu 50 mét mỗi bên.
41.7	Tuyến đường Lê Duẩn: Từ điểm đầu tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến Cầu Trắng, chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ vào sâu 40 mét mỗi bên.
41.8	Khu phố Thành Cổ.
41.9	Khu phố 6: Từ điểm đầu đường Trần Bình Trọng giao đường Võ Thị Sáu - kênh thủy lợi Nam Thạch Hãn - giao đường Nguyễn Trãi - điểm cuối giao đường Hai Bà Trưng.

42	Đặc khu Cồn Cỏ
42.1	Khu Trung tâm hành chính, từ Khu dân cư số 1 đến hết Ban Chỉ huy quân sự đặc khu.